

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHI LĂNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày 05-5-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa về thực hiện nghĩa vụ  
thanh toán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Lá;

Ông Vi Thành Trung.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Phương - Thư ký Toà án huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2022/TLST-KDTM, ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa về thực hiện nghĩa vụ thanh toán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM, ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Đ. Địa chỉ trụ sở: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đăng K - Phó giám đốc (văn bản ủy quyền số 106, ngày 01-11-2021); có mặt .

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T. Địa chỉ trụ sở: Thôn M, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Khu Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn).

Người đại diện theo pháp luật:

1. Ông Phạm Xuân N- Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt.
2. Ông Phạm Trung K- Giám đốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ, người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Đăng K trình bày: Ngày 20-7-2015, Công ty Cổ phần Đ ký kết Hợp đồng mua bán số 38/HĐMBĐ với Công ty Cổ phần T nội dung mua bán đá thải sạch, đá bay A theo hợp đồng đã ký kết. Ngày 01-8-2015 hai Công ty đã ký kết bổ sung thêm phụ lục hợp đồng với nội dung mua bán thêm đá bột và đá 0,5. Sau khi ký kết hợp đồng hai Công ty đã tiến hành trao đổi mua bán theo Hợp đồng đã ký kết và có các Biên bản đối chiếu công nợ, Biên bản bù trừ công nợ vào tháng 7 năm 2016; tháng 9, tháng 10 năm 2016; tháng 1, tháng 4 năm 2017; tháng 12 năm 2017; tháng 01 năm 2018 và tháng 3 năm 2019 (tất cả các Biên bản đều có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận của hai Công ty). Chốt đến thời điểm ngày 29 tháng 3 năm 2019 theo Hợp đồng mua bán thì Công ty Cổ phần T còn nợ Công ty Cổ phần Đ số tiền 1.435.843.124 đồng. Công ty Cổ phần Đ đã nhiều lần đòi nợ Công ty Cổ phần T nhưng Công ty Cổ phần T không thanh toán được khoản nợ trên cho Công ty Đ nay Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần T có trách nhiệm trả nợ cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 1.435.843.124 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn một trăm hai mươi tư đồng). Công ty Cổ phần Đ không yêu cầu Công ty Cổ phần T phải thanh toán khoản tiền lãi.

Bị đơn Công ty Cổ phần T. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân N- Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Phạm Trung K- Giám đốc. Đối với ông Phạm Trung K vắng mặt kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Đối với ông Phạm Xuân N, Tòa án triệu tập nhiều lần đến ngày 10 tháng 3 năm 2022 đã có mặt, tại Biên bản lấy lời khai ông trình bày: Công ty Cổ phần T được thành lập từ năm 2014, thời điểm thành lập Công ty ai là người đại diện theo pháp luật ông không nắm được. Đến đầu năm 2016 Công ty Cổ phần T tiến hành mua lại toàn bộ nhà máy nhưng vẫn đứng tên Công ty Cổ phần T. Thời điểm năm 2017 (ông không nhớ ngày tháng) ông được đứng tên Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty là ông Phạm Trung K là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T. Đối với hợp đồng mua bán đá số 38/HĐMBĐ ngày 20 tháng 7 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đ với Công ty Cổ phần T là thời điểm ông chưa tham gia Công ty. Việc mua bán đá, lập biên bản đối chiếu công nợ, biên bản bù trừ công nợ diễn ra như thế nào ông không nắm được. Về tài liệu do nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ cung cấp trong hồ sơ thể hiện năm 2017, 2018 Công ty Cổ phần T vẫn đứng tên giám đốc Công ty là ông Nguyễn Trọng T thì ông thấy không đúng lắm (các giấy tờ chứng minh thời điểm ông làm Chủ tịch hội đồng quản trị ông sẽ cung cấp cho Tòa án trước ngày 18 tháng 3 năm 2022). Tại Biên bản họp giải quyết công nợ và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 29 tháng 3 năm 2019 phía Công ty Cổ phần T có tên ông là Phạm Xuân N- Chủ tịch hội đồng quản trị có ký xác nhận và đóng dấu Công ty phía dưới biên bản. Đối với yêu cầu đòi nợ của Công ty Cổ phần Đ ông đại diện Công ty Cổ phần T chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, sẽ trả lại số tiền nợ 1.435.843.124 đồng cho nguyên đơn. Đối với ông Phạm Trung K- Giám đốc Công ty Cổ phần T chính là con rể của ông Nguyễn Trọng T - Giám đốc Công ty Cổ phần T cũ trước đây. Hiện Công ty ông vẫn chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản gì, ông K hiện nay

ở đâu và làm gì thì ông không nắm được. Đối với việc vay nợ là của Công ty, nguyên đơn khởi kiện là kiện Công ty vì vậy ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn Công ty Cổ phần T, người đại diện theo pháp luật ông Phạm Xuân N, ông Phạm Trung K đều vắng mặt. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật Tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, việc xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là chưa chính xác, chưa thể hiện đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án đã xác minh, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ yêu cầu Công ty Cổ phần T thanh toán tiền mua đá còn nợ tính đến ngày 29-3-2022 với số tiền 1.435.843.124 đồng. Về án phí: Công ty Cổ phần T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty Cổ phần T. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân N- Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Phạm Trung K- Giám đốc đều vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự cho Công ty Cổ phần T thông qua đường bưu chính nhưng bị hoàn trả lại với lý do Công ty Cổ phần T không có người nhận. Ông Phạm Trung K vắng mặt kể từ thời điểm thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Đã lấy được lời khai của ông Phạm Xuân N (tiếp đó ông Phạm Xuân N vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa), Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, niêm yết các Văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn Công ty Cổ phần T, người đại diện theo pháp luật ông N, ông K vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của bị đơn Công ty Cổ phần T, người đại diện theo pháp luật ông Phạm Xuân N, ông Phạm Trung K không ảnh hưởng đến

việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Công ty Cổ phần T có địa chỉ trụ sở chính: Thôn M, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Khu Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) là nơi có trụ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ pháp luật: Công ty Cổ phần Đ ký kết Hợp đồng mua bán đá với Công ty Cổ phần T. Quá trình mua bán, phía Công ty Cổ phần T không thanh toán đầy đủ các khoản nợ theo Hợp đồng. Công ty Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng đã ký kết, Do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa về thực hiện nghĩa vụ thanh toán”.

[4] Về tư cách pháp nhân của các Công ty: Công ty Cổ phần Đ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu ngày 23-6-2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 01-7-2021, hiện nay người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Hoàng Đăng K - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Công ty Cổ phần T có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 26-4-2013; đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 22-10-2018, hiện nay người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phạm Xuân N- Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Phạm Trung K- Giám đốc. Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty Cổ phần T đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số QĐTH/10085016, ngày 11-5-2021 và văn bản số 173/ĐKKD ngày 07-12-2021 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ xác nhận: Công ty Cổ phần T có mã số doanh nghiệp 4900760610 do Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 26-4-2013; địa chỉ trụ sở đặt tại: Thôn M, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là ông Phạm Trung K giữ chức danh: Giám đốc và ông Phạm Xuân N giữ chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp: Đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được biết: Công ty Cổ phần T có trụ sở đóng tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay Ủy ban nhân dân thị trấn chưa nhận được văn bản, quyết định nào về việc tuyên bố phá sản của Công ty này. Lời khai của ông Phạm Xuân N- Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T cho biết: Hiện ông vẫn là Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông K là Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T, Công ty chưa làm thủ tục giải thể hay tuyên bố phá sản gì. Theo điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2005 quy định: Doanh nghiệp bị giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Từ những

phân tích và áp dụng các quy định nêu trên Hội đồng xét xử xác định Công ty Cổ phần T hiện chưa thực hiện thủ tục giải thể.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại và theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thì các đương sự trong vụ án không ai có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần T phải thanh toán tiền nợ là 1.435.843.124 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn một trăm hai mươi tư đồng) theo Hợp đồng mua bán đá số 38/HĐMBĐ đã ký kết ngày 20 tháng 7 năm 2015; ngày 01-8-2015 hai bên đã ký kết bổ sung thêm phụ lục hợp đồng; các biên bản hợp giải quyết công nợ, biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng là ngày 29-3-2019, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng mua bán đá số 38/HĐMBĐ ngày 20-7-2015 và phụ lục hợp đồng ngày 01-8-2015 được ký kết bởi các chủ thể đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 398, 399, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó xác định Hợp đồng mua bán đá số 38/HĐMBĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2015 và Phụ lục hợp đồng ngày 01-8-2015 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện theo Hợp đồng.

[7] Quá trình thực hiện Hợp đồng: Công ty Cổ phần Đ đã tiến hành bàn giao các hạng mục đã bán cho Công ty Cổ phần T theo đúng Hợp đồng mua bán đá số 38 và Phụ lục hợp đồng ngày 01-8-2015. Hợp đồng ký kết đã hoàn thành, việc bàn giao các danh mục mua bán đã thực hiện xong, được thể hiện tại: Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01-7-2016; ngày 30-9-2016; ngày 09-01-2017; ngày 31-12-2017; ngày 10-01-2018; biên bản bù trừ công nợ ngày 03-7-2016; ngày 01-10-2016; ngày 01-01-2017; ngày 02-01-2018; biên bản làm việc xác nhận công nợ ngày 13-4-2017 và ngày cuối cùng có Biên bản hợp giải quyết công nợ, biên bản đối chiếu công nợ là ngày 29-3-2019 (các Biên bản đều có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu xác nhận của hai Công ty). Chốt đến ngày 29 tháng 3 năm 2019 Công ty Cổ phần T còn nợ Công ty Cổ phần Đ số tiền 1.435.843.124 đồng. Hợp đồng ký kết nhưng Công ty Cổ phần T đã không thực hiện đúng theo cam kết trong hợp đồng về thời hạn thanh toán, như vậy Công ty Cổ phần T đã vi phạm Hợp đồng mua bán (cụ thể là vi phạm về thời hạn thanh toán) theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005. Hồ sơ thể hiện số tiền nợ gốc mà Công ty Cổ phần T chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ theo Hợp đồng là 1.435.843.124 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn một trăm hai mươi tư đồng) là phù hợp với lời khai của nguyên đơn, lời khai của ông Phạm Xuân N- Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần T, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì vậy buộc Công ty Cổ phần T phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ số tiền nợ gốc theo Hợp đồng: 1.435.843.124 đồng

là có căn cứ. Trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ không yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần T phải thanh toán khoản tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Phía bị đơn ông Phạm Xuân N, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T tại lời khai thừa nhận Công ty Cổ phần T còn nợ Công ty Cổ phần Đ số tiền 1.435.843.124 đồng và đây là khoản nợ của Công ty, ông đại diện theo pháp luật cho Công ty nhất trí trả nợ cho Công ty Cổ phần Đ. Ngoài ra, ông Phạm Xuân N cho rằng thời điểm năm 2017, 2018 Công ty Cổ phần T vẫn đứng tên Giám đốc Công ty là ông Nguyễn Trọng T ông cho rằng không đúng, ông đã hẹn Tòa án cung cấp giấy tờ chứng minh thời điểm ông làm Chủ tịch hội đồng quản trị trước ngày 18 tháng 3 năm 2022 nhưng ông không cung cấp. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu ông N cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, hết thời hạn ông Phạm Xuân N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì, do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét bảo vệ đối với ý kiến của ông Phạm Xuân N đưa ra. Đối với khoản nợ được ký kết theo Hợp đồng nêu trên xác định đây là khoản nợ chung của Công ty, ông Phạm Xuân N hiện là Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Phạm Trung K- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T sẽ phải chịu trách nhiệm về khoản nợ chung của Công ty là phù hợp và đúng với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ không phải chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn Công ty Cổ phần T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 55.075.294 đồng (năm mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm chín tư đồng); hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 27.387.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003109 ngày 09-02-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có một số nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Viện kiểm sát cho rằng Tòa án xác định quan hệ tranh chấp chưa chính xác là không đúng bởi tại phiên tòa Hội đồng xét xử có quyền thảo luận, quyết định biểu quyết tất cả các nội dung có liên quan đến việc giải quyết vụ án, trong đó có việc xác định quan hệ tranh chấp; đối với ý kiến cho rằng Tòa án chưa tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho nguyên đơn là không phù hợp vì thì theo quy định tại khoản 1 Điều 196, khoản 1 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "...Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho đương sự..." đó là gửi Thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp chứ không có quy định bắt buộc phải tổng đạt văn bản này cho nguyên đơn và trên thực tế hồ sơ thể hiện nguyên đơn đều chấp hành đúng thời gian Tòa án triệu tập.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 87; các Điều 357; 398; 399; 401; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24; 50 Luật thương mại năm 2005; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2005; căn cứ khoản điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ.**

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T phải trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền nợ gốc 1.435.843.124 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn một trăm hai mươi tư đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí:**

**2.1.** Bị đơn Công ty Cổ phần T phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là: 55.075.294 đồng (năm mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi tư đồng).

**2.2.** Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.387.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003109, ngày 09-02-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

**3. Quyền kháng cáo:**

**3.1.** Nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**3.2.** Bị đơn Công ty Cổ phần T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyết định yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Chi Lăng;
- CCTHADS h C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(đã ký)*

**Nguyễn Thúy Huyền**